



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0303576603

ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần gần đây nhất là ngày 20 tháng 6 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Dr Nguyễn Đăng Quang
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Nguyễn Đoàn Hùng
Ông David Tan Wei Ming
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Ông Ji Han Yoo

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Thành viên
(đến ngày 27 tháng 4 năm 2022)

Ông Woncheol Park

Ban Tổng Giám đốc

Ông Danny Le
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Michael Hung Nguyen

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Đại diện theo pháp luật

Dr Nguyễn Đăng Quang
Ông Danny Le

Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu nếu có đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, các báo cáo tài chính riêng này được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Danny Do
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-01021-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		2.787.263.134.724	8.070.249.247.486
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.266.804.918.233	4.934.770.809.881
Tiền	111		26.980.918.233	4.934.770.809.881
Các khoản tương đương tiền	112		1.239.824.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		100.229.315.000	44.727.841.148
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	100.229.315.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	44.727.841.148
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.351.974.885.831	3.083.050.602.444
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.289.937.284	5.188.956.552
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6(a)	1.285.040.000.000	2.764.488.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(c)	56.644.948.547	313.373.645.892
Tài sản ngắn hạn khác	150		68.254.015.660	7.699.994.013
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		114.880.003	240.363.646
Thuế phải thu Nhà nước	153	7	68.139.135.657	7.459.630.367
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		49.931.867.970.024	43.124.356.190.970
Các khoản phải thu dài hạn	210		35.448.105.352.506	4.828.186.052
Phải thu về cho vay dài hạn	215	6(b)	33.749.541.163.305	-
Phải thu dài hạn khác	216	6(d)	1.698.564.189.201	4.828.186.052
Tài sản cố định	220		10.755.917.774	13.485.779.544
Tài sản cố định hữu hình	221	8	10.755.917.774	13.485.779.544
Nguyên giá	222		52.090.499.223	49.749.135.368
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.334.581.449)	(36.263.355.824)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		4.697.122.903	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.697.122.903)	(4.697.122.903)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		14.334.572.280.099	42.995.073.255.063
Đầu tư vào các công ty con	251	5(b)	9.955.735.202.463	24.046.070.182.463
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	5(c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(d)	-	14.570.165.994.964
Tài sản dài hạn khác	260		138.434.419.645	110.968.970.311
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	138.434.419.645	110.968.970.311
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		52.719.131.104.748	51.194.605.438.456

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		31.082.432.803.141	27.618.321.400.305
Nợ ngắn hạn	310		20.693.324.607.581	5.552.547.530.197
Phải trả người bán	311		44.679.579.990	41.659.055.292
Thuế phải nộp Nhà nước	313		3.178.849.040	50.627.569.721
Phải trả người lao động	314		49.538.700	62.999.858
Chi phí phải trả	315	10	613.652.616.410	681.849.867.065
Phải trả ngắn hạn khác	319	11	3.745.896.023.441	298.038.261
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	12(a)	16.285.868.000.000	4.778.050.000.000
Nợ dài hạn	330		10.389.108.195.560	22.065.773.870.108
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	12(b)	10.389.108.195.560	22.065.773.870.108
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		21.636.698.301.607	23.576.284.038.151
Vốn chủ sở hữu	410	13	21.636.698.301.607	23.576.284.038.151
Vốn cổ phần	411	14	14.237.247.830.000	11.805.346.920.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	14	8.723.127.701.079	11.084.246.541.079
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(1.695.338.182.568)	(1.695.338.182.568)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		371.660.953.096	2.382.028.759.640
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.243.048.933.240	656.102.058.618
- (Lỗ sau thuế năm nay)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	421b		(871.387.980.144)	1.725.926.701.022
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		52.719.131.104.748	51.194.605.438.456

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

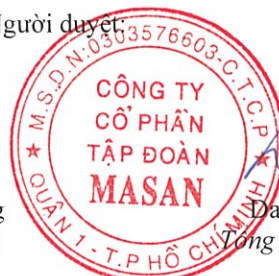
Người lập:


 Nguyễn Huy Hùng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Đỗ Thị Quỳnh Trang
 Giám đốc Tài chính


 Danny Le
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	2.118.483.763.229	5.271.261.693.608
Chi phí tài chính	22	19	2.780.871.786.007	2.933.473.829.813
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.035.765.715.561</i>	<i>2.427.396.695.049</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	322.099.246.913	290.861.162.773
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)	30		(984.487.269.691)	2.046.926.701.022
Thu nhập khác	31		1.817.800.000	-
Chi phí khác	32		-	65.000.000.000
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.817.800.000	(65.000.000.000)
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(982.669.469.691)	1.981.926.701.022
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	(111.281.489.547)	256.000.000.000
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	21	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(871.387.980.144)	1.725.926.701.022

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Thị Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính



CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
MASAN
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH



Danny Le
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	01		(982.669.469.691)	1.981.926.701.022
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		5.071.225.625	4.791.519.925
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(254.719.183.834)	(49.999.903.881)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(1.858.245.596.915)	(1.308.114.779.648)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06		2.393.471.786.007	2.715.493.025.747
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(697.091.238.808)	3.344.096.563.165
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		309.150.375.082	(280.803.331.826)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(185.568.586.360)	203.778.596.184
Biến động chi phí trả trước	12		1.574.472.655	(1.449.844.561)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		(100.229.315.000)	-
			(672.164.292.431)	3.265.621.982.962
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.207.682.139.157)	(2.883.964.662.639)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(205.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.879.846.431.588)	176.657.320.323
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(7.291.057.355)	(9.609.197.926)
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(38.400.063.749.202)	(5.291.893.841.148)
Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24		6.174.698.427.045	3.167.678.000.000
Tiền chi cho các khoản đầu tư vào các công ty con và đơn vị khác	25		(6.384.875.188.341)	(4.090.232.103.500)
Tiền thu hồi các khoản đầu tư	26		35.045.376.163.305	12.633.037.048.692
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27		162.538.613.054	1.574.657.595.075
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.409.616.791.494)	7.983.637.501.193

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu mới trừ chi phí phát hành liên quan	31	70.832.070.000	58.514.460.000
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33	17.548.763.000.000	13.517.822.149.288
Tiền trả nợ gốc vay và trái phiếu	34	(13.852.150.000.000)	(15.586.884.717.815)
Tiền trả cổ tức	36	(1.138.971.922.400)	(1.417.713.591.640)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.628.473.147.600	(3.428.261.700.167)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.660.990.075.482)	4.732.033.121.349
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4.934.770.809.881	202.737.784.651
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(6.975.816.166)	(96.119)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 4	1.266.804.918.233	4.934.770.809.881

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:


 Nguyễn Huy Hùng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Đỗ Thị Quỳnh Trang
 Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) và thực hiện các hoạt động huy động vốn và đầu tư cho Công ty và các công ty thành viên.

Công ty sở hữu các công ty con trực tiếp và công ty con gián tiếp (được gọi chung là “các công ty thành viên”) và thông qua các công ty con này cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn quản trị kinh doanh tại các công ty khác trong Tập đoàn (được hiểu là “Công ty và các công ty thành viên”).

Doanh thu và thu nhập của Công ty từ các hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn quản trị kinh doanh cho các công ty thành viên trong Tập đoàn được phản ánh trên các loại thu nhập: thu nhập cổ tức từ các công ty thành viên của Công ty, thu nhập lãi từ các khoản vay cấp cho các công ty thành viên của Công ty, thu nhập từ kinh doanh các tài sản tài chính và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần hoặc vốn chủ sở hữu của các công ty thành viên và các thu nhập hợp pháp khác.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Nhân sự Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 87 nhân viên (1/1/2022: 65 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*



(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và góp vốn vào các đơn vị khác

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| ▪ nâng cấp tài sản thuê | 5 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đi vay trả trước

Chi phí đi vay trả trước được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của các khoản vay liên quan.

(h) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(j) Vốn chủ sở hữu

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Vốn cổ phần được ghi nhận theo mệnh giá. Phân chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào thời điểm ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các lựa chọn thay thế khác.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu và cho vay, cổ tức, lãi từ thanh lý khoản đầu tư và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu phát hành, chi phí đi vay được phân bổ, chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ (gọi chung là “chi phí đi vay”), lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên được phát hành theo giá được phê duyệt trong Nghị quyết Hội đồng Quản trị.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng hoặc lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	64.826.703	64.826.703
Tiền gửi ngân hàng	26.916.091.530	4.934.705.983.178
Các khoản tương đương tiền	1.239.824.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	<u>1.266.804.918.233</u>	<u>4.934.770.809.881</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Đầu tư

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (a)	100.229.315.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	44.727.841.148
	100.229.315.000	44.727.841.148
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào các công ty con (b)	9.955.735.202.463	24.046.070.182.463
Đầu tư vào một công ty liên kết (c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (d)	-	14.570.165.994.964
	14.334.572.280.099	42.995.073.255.063

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022			1/1/2022		
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu	1.000.000	100.229.315.000	-	-	-	-

Công ty mua các trái phiếu do Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, một công ty con sở hữu gián tiếp phát hành nhằm mục đích nắm giữ trong thời gian ngắn (dưới 12 tháng). Các trái phiếu này hưởng lãi suất 9,3% một năm trong năm đầu tiên và 4,24% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các chứng khoán kinh doanh này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào các công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

	31/12/2022			1/1/2022		
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Dự phòng giảm giá VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“MML”)	78,7%	78,7%	-	2.030.991.202.463	(*)	2.030.991.202.463
▪ Công ty TNHH The SHERPA (“SHERPA”)	99,9%	99,9%	-	7.824.754.000.000	(*)	6.727.879.000.000
▪ Công ty TNHH Zenith Investment (“Zenith”) (**)	99,9%	99,9%	-	99.990.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (“MH”) (***)	-	-	-	-	99,9%	15.287.199.980.000
				<u>9.955.735.202.463</u>		<u>24.046.070.182.463</u>

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(**) Công ty TNHH Zenith Investment được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0317331434 ngày 8 tháng 6 năm 2022 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(***) Vào ngày 13 tháng 9 năm 2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty trong MH sang Công ty TNHH Zenith Investment.

Biến động trong năm của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	MML VND	SHERPA VND	Zenith VND	MH VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.030.991.202.463	6.727.879.000.000	-	15.287.199.980.000	24.046.070.182.463
Tăng trong năm	-	1.096.875.000.000	99.990.000.000	-	1.196.865.000.000
Thanh lý trong năm	-	-	-	(15.287.199.980.000)	(15.287.199.980.000)
Số dư cuối năm	2.030.991.202.463	7.824.754.000.000	99.990.000.000	-	9.955.735.202.463

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào một công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư của Công ty vào một công ty liên kết như sau:

	31/12/2022		1/1/2022	
	% sở hữu/ vốn điều lệ	% quyền biểu quyết/vốn điều lệ	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank")	14,9%	14,9%	4.378.837.077.636	-
			13.553.555.649.150	26.215.774.950.000
			4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
			14,9%	14,9%
			4.378.837.077.636	4.378.837.077.636

Cho mục đích thuyết minh, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết tại các ngày tương ứng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty như sau:

	31/12/2022			1/1/2022						
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần The CrownX (“CrownX”) (**)	-	-	-	-	-	-	9.02%	14.570.165.994.964	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(**) CrownX là công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty TNHH The SHERPA.

Biến động khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	14.570.165.994.964	23.692.196.267.636
Tăng trong năm (***)	5.188.010.188.341	106.732.103.500
Thanh lý trong năm (****)	(19.758.176.183.305)	(9.228.762.376.172)
Số dư cuối năm	-	14.570.165.994.964

(***) Trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã mua lại 3,25% lợi ích vốn chủ sở hữu trong CrownX từ một bên thứ ba với tổng khoản thanh toán là 5.188 tỷ VND.

(****) Trong tháng 6 năm 2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty trong CrownX sang Zenith, một công ty con sở hữu trực tiếp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Phải thu về cho vay từ các bên liên quan:		
▪ Công ty TNHH The SHERPA, một công ty con sở hữu trực tiếp	197.700.000.000	-
▪ Công ty TNHH Zenith Investment, một công ty con sở hữu trực tiếp	100.000.000	-
▪ Công ty TNHH Vonfram Masan, một công ty con sở hữu gián tiếp	600.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Mobicast, một công ty con sở hữu gián tiếp	290.000.000.000	130.000.000.000
▪ Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, một công ty con sở hữu gián tiếp	197.240.000.000	181.676.000.000
Phải thu cho vay từ các bên thứ ba		- 2.452.812.000.000
	1.285.040.000.000	2.764.488.000.000

Các khoản phải thu về cho vay từ các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất quy định trong hợp đồng vay. Các khoản cho vay sẽ đáo hạn sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi được thu vào ngày đáo hạn nợ gốc vay.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Phải thu về cho vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Masan Blue, một công ty con sở hữu gián tiếp	33.749.541.163.305	-
	33.749.541.163.305	-

Các khoản cho vay này không có đảm bảo và hưởng lãi suất quy định trong hợp đồng vay. Các khoản cho vay sẽ đáo hạn sau 5 năm kể từ ngày giải ngân và lãi được thu vào ngày đáo hạn nợ gốc vay.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Các khoản thu phí thương mại từ các bên liên quan		
▪ Lãi phải thu (*)	20.629.436.433	9.808.796.824
▪ Phải thu khác (**)	32.175.197.350	-
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng và trái phiếu	2.948.328.184	-
Lãi phải thu từ các bên thứ ba	-	19.489.861.068
Phải thu từ chuyển nhượng trái phiếu hoán đổi	-	283.750.000.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	359.965.000	29.500.000
Phải thu khác	532.021.580	295.488.000
	<hr/>	<hr/>
	56.644.948.547	313.373.645.892
	<hr/>	<hr/>

(d) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Lãi phải thu từ một bên liên quan (*)	1.693.602.863.149	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.961.326.052	4.828.186.052
	<hr/>	<hr/>
	1.698.564.189.201	4.828.186.052
	<hr/>	<hr/>

(*) Lãi phải thu ngắn hạn và dài hạn từ các bên liên quan không có đảm bảo và phải thu vào ngày đáo hạn của các khoản cho vay liên quan (Thuyết minh 6(a) và Thuyết minh 6(b)).

(**) Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và phải thu theo yêu cầu.

7. Thuế phải thu Nhà nước

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.679.505.290	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	7.459.630.367	7.459.630.367
	<hr/>	<hr/>
	68.139.135.657	7.459.630.367
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	34.614.411.928	9.482.695.440	5.652.028.000	49.749.135.368
Tăng trong năm	1.066.791.600	307.576.800	966.995.455	2.341.363.855
Số dư cuối năm	35.681.203.528	9.790.272.240	6.619.023.455	52.090.499.223
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	27.007.649.071	8.065.892.254	1.189.814.499	36.263.355.824
Khấu hao trong năm	3.387.436.513	714.923.462	968.865.650	5.071.225.625
Số dư cuối năm	30.395.085.584	8.780.815.716	2.158.680.149	41.334.581.449
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	7.606.762.857	1.416.803.186	4.462.213.501	13.485.779.544
Số dư cuối năm	5.286.117.944	1.009.456.524	4.460.343.306	10.755.917.774

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 27.855 triệu VND (1/1/2022: 27.541 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đi vay trả trước VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	106.656.356.473	4.312.613.838	110.968.970.311
Tăng trong năm	147.895.412.500	932.294.500	148.827.707.000
Phân bổ trong năm	(64.613.316.175)	(2.381.283.512)	(66.994.599.687)
Giảm trong kỳ liên quan tất toán khoản vay trước hạn	(54.367.657.979)	-	(54.367.657.979)
Số dư cuối năm	135.570.794.819	2.863.624.826	138.434.419.645

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Chi phí phải trả

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả:		
▪ Ngân hàng và trái chủ	433.713.876.021	440.621.017.035
▪ Bên thứ ba (Thuyết minh 11)	96.812.090.410	-
▪ Các bên liên quan	6.209.952.129	23.345.141.781
Phí dịch vụ chuyên môn	4.206.366.566	172.230.058.787
Chi phí phải trả khác	72.710.331.284	45.653.649.462
	613.652.616.410	681.849.867.065

Chi phí lãi vay phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo và phải trả vào ngày đáo hạn của các khoản vay liên quan (Thuyết minh 12(a)).

11. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Đặt cọc nhận được từ bên thứ ba cho các khoản đầu tư (*)	3.745.700.000.000	-
Cổ tức phải trả	25.942.160	18.038.160
Phải trả ngắn hạn khác	170.081.281	280.000.101
	3.745.896.023.441	298.038.261

(*) Theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty cam kết cung cấp lợi tức đầu tư trên số tiền đặt cọc nhận được cho bên thứ ba theo mức được quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 10).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Vay và trái phiếu phát hành

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn (a)		
Vay ngắn hạn	1.385.868.000.000	3.048.650.000.000
Vay dài hạn và trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	14.900.000.000.000	1.729.400.000.000
	16.285.868.000.000	4.778.050.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn		
Vay dài hạn (b)	5.940.000.000.000	4.588.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn (c)	19.349.108.195.560	19.207.173.870.108
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(14.900.000.000.000)	(1.729.400.000.000)
	10.389.108.195.560	22.065.773.870.108

(a) Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn

	1/1/2022	Biến động trong năm		31/12/2022
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.048.650.000.000	2.431.568.000.000	(4.094.350.000.000)	1.385.868.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	1.729.400.000.000	14.900.000.000.000	(1.729.400.000.000)	14.900.000.000.000
	4.778.050.000.000	17.331.568.000.000	(5.823.750.000.000)	16.285.868.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
▪ Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan, một công ty con sở hữu gián tiếp	1.385.868.000.000	385.900.000.000
▪ Công ty Cổ phần Masan MEATLife, một công ty con sở hữu trực tiếp		- 2.662.750.000.000
	1.385.868.000.000	3.048.650.000.000

Khoản vay ngắn hạn từ các bên liên quan không được đảm bảo và chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định trên hợp đồng vay.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty bảo lãnh cho các khoản vay ngắn hạn của các công ty con với tổng giá trị ghi sổ là 5.135.218 triệu VND (1/1/2022: 2.222.501 triệu VND).

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Năm đáo hạn	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
▪ Khoản vay hợp vốn có đảm bảo (*) (**)	USD	2027	5.940.000.000.000	4.588.000.000.000
			5.940.000.000.000	4.588.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				- (229.400.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			5.940.000.000.000	4.358.600.000.000

(*) Khoản vay hợp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chịu lãi suất năm là SOFR + 2.9% một năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản vay hợp vốn của Công ty được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- tiền gửi ngân hàng của Công ty;
- cổ phiếu phổ thông đã phát hành và các lợi ích liên quan của một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty; và
- được bảo lãnh bởi một công ty con sở hữu trực tiếp.

Trong năm, Công ty đã tuân thủ các điều khoản của các khoản vay trên.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)



Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(**) Trong năm, Công ty đã tất toán toàn bộ số dư của khoản vay hợp vốn tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 trước ngày đáo hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty bảo lãnh cho khoản vay dài hạn của các công ty con với tổng giá trị ghi sổ là 1.041.200 triệu VND (1/1/2022: 348.400 triệu VND).



(c) Trái phiếu phát hành dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu phát hành dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bảo lãnh phát hành	31/12/2022 Giá trị ghi sổ VND	1/1/2022 Giá trị ghi sổ VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương				
Trái phiếu không đảm bảo	19.500.000.000.000	19.500.000.000.000	Từ 2023 đến 2027	Từ 9,3% đến 10,0%/năm trong năm đầu tiên, và từ 2,5% đến 4,0%/năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(150.891.804.440)	(292.826.129.892)		
	<u>19.349.108.195.560</u>	<u>19.207.173.870.108</u>		
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đến hạn trả trong vòng 12 tháng</i>	<i>(14.900.000.000.000)</i>	<i>(1.500.000.000.000)</i>		

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các công ty con và công ty liên kết của Công ty nắm giữ lần lượt là 2.347.639 triệu VND và 826.408 triệu VND (1/1/2022: 2.998.351 triệu VND và 318.780 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng bảo lãnh cho các trái phiếu phát hành của các công ty con với tổng mệnh giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 9.094.800 triệu VND (1/1/2022: 9.799.980 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	11.746.832.460.000	11.084.296.541.079	(1.695.338.182.568)	2.072.743.689.018	23.208.534.507.529
Phát hành cổ phiếu	58.514.460.000	(50.000.000)	-	-	58.464.460.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.725.926.701.022	1.725.926.701.022
Cổ tức (Thuyết minh 16)	-	-	-	(1.416.641.630.400)	(1.416.641.630.400)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	11.805.346.920.000	11.084.246.541.079	(1.695.338.182.568)	2.382.028.759.640	23.576.284.038.151
Phát hành cổ phiếu	2.431.900.910.000	(2.361.118.840.000)	-	-	70.782.070.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(871.387.980.144)	(871.387.980.144)
Cổ tức (Thuyết minh 16)	-	-	-	(1.138.979.826.400)	(1.138.979.826.400)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	14.237.247.830.000	8.723.127.701.079	(1.695.338.182.568)	371.660.953.096	21.636.698.301.607

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

14. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt				
Cổ phiếu phổ thông	1.423.724.783	14.237.247.830.000	1.180.534.692	11.805.346.920.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.423.724.783	14.237.247.830.000	1.180.534.692	11.805.346.920.000
Thặng dư vốn cổ phần		- 8.723.127.701.079		- 11.084.246.541.079

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Trong năm 2018, Công ty đã ký một thỏa thuận cấp cho SK Investment Vina I Pte. Ltd. (“SK”), một cổ đông, một quyền chọn bán. Trong trường hợp Công ty và SK không thực hiện được việc tạo ra giá trị và sự cộng hưởng từ mối quan hệ đối tác hoặc không đồng ý với các định hướng chiến lược của Công ty, SK có một quyền chọn không thể hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc bên được chỉ định bởi Công ty mua lại toàn bộ 109.899.932 cổ phiếu của Công ty đã phát hành vào ngày 2 tháng 10 năm 2018 (“Ngày Hoàn Tất”) với giá mỗi cổ phiếu là 100.000 VND, giá này sẽ được điều chỉnh cho các khoản chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và các khoản phân phối bằng cổ phiếu mà Công ty đã trả cũng như các sự kiện gộp hay chia tách cổ phiếu và các sự kiện tương tự. Quyền chọn này sẽ được thực hiện sau năm thứ 5 kể từ Ngày Hoàn Tất và trong năm thứ 6 kể từ Ngày Hoàn Tất. Quyền chọn này chỉ có thể được thực hiện một lần đối với toàn bộ số cổ phiếu trên và sẽ vô hiệu nếu SK bán bất kỳ cổ phiếu nào trong số đó.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2022		2021	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm	1.180.534.692	11.805.346.920.000	1.174.683.246	11.746.832.460.000
Phát hành cổ phiếu bằng tiền (Thuyết minh 15)	7.083.207	70.832.070.000	5.851.446	58.514.460.000
Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu	236.106.884	2.361.068.840.000	-	-
Số dư cuối năm	1.423.724.783	14.237.247.830.000	1.180.534.692	11.805.346.920.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Công ty có kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên dựa trên đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên.

Trong tháng 6 năm 2022, Công ty đã phát hành 7.083.207 cổ phiếu (2021: 5.851.446 cổ phiếu) cho nhân viên theo giá đã được phê duyệt theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

16. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 20 tháng 6 năm 2022 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 8% mệnh giá mỗi cổ phiếu. Vào tháng 7 năm 2022, Công ty đã chia cổ tức bằng tiền mặt với tổng trị giá 1.138.980 triệu VND cho các cổ đông (2021: 1.416.642 triệu VND).

17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng 1 năm	14.046.134.488	19.332.515.806
Từ 2 đến 5 năm	11.932.140.000	8.596.075.291
	25.978.274.488	27.928.591.097

(b) Ngoại tệ

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	246	5.452.188	246	5.574.163

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và trái phiếu	26.356.364.584	55.068.404.588
Thu nhập lãi từ các khoản cho công ty con vay	1.785.151.403.675	18.765.833.372
Thu nhập lãi từ các khoản cho các bên thứ ba vay	46.737.828.656	19.489.861.068
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	260.119.183.834	50.000.000.000
Thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu hoán đổi	-	3.867.421.566.480
Thu nhập từ cổ tức	-	1.260.516.028.100
Thu nhập tài chính khác	118.982.480	-
	2.118.483.763.229	5.271.261.693.608

19. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	2.035.765.715.561	2.427.396.695.049
Chi phí phát hành trái phiếu và chi phí đi vay	357.706.070.446	288.096.330.698
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	387.400.000.000	96.119
Chi phí liên quan đến chuyển nhượng trái phiếu hoán đổi	-	166.674.556.787
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	-	45.725.347.480
Chi phí tài chính khác	-	5.580.803.680
	2.780.871.786.007	2.933.473.829.813

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.071.225.625	4.791.519.925
Chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	317.028.021.288	286.069.642.848
	322.099.246.913	290.861.162.773

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2022	2021
	VND	VND
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	-	256.000.000.000
Dự phòng thừa trong những năm trước	(111.281.489.547)	-
	(111.281.489.547)	256.000.000.000

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	%	2022	%	2021
		VND		VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	100%	(982.669.469.691)	100%	1.981.926.701.022
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20%	(196.533.893.938)	20%	396.385.340.204
Thu nhập không chịu thuế	-	-	(13%)	(252.103.205.620)
Chi phí không được khấu trừ thuế	(4%)	39.111.654.500	1%	12.061.039.600
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(16%)	157.422.239.438	16%	319.939.786.561
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	-	(11%)	(220.282.960.745)
Dự phòng thừa trong những năm trước	11%	(111.281.489.547)	-	-
	11%	(111.281.489.547)	13%	256.000.000.000

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục này. Theo các quy định thuế hiện hành, các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, trừ chi phí lãi vay, không bị hết hiệu lực. Chi phí lãi vay vượt mức trần theo quy định hiện hành và lỗ tính thuế được mang sang không quá 5 năm.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan nhà nước khác nhau và các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là cao hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của Ban Tổng Giám đốc, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan nhà nước liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

22. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch	
		2022 VND	2021 VND
Các công ty con sở hữu trực tiếp			
Công ty TNHH The SHERPA	Góp vốn	1.096.875.000.000	1.683.500.000.000
	Khoản cho vay đã cấp	210.200.000.000	1.609.188.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	12.500.000.000	2.294.188.000.000
	Thu nhập lãi từ khoản cho vay đã cấp	990.617.260	7.766.077.644
	Khoản vay đã nhận	-	4.986.755.265.760
	Khoản vay đã hoàn trả	-	4.986.755.265.760
	Chi phí lãi vay từ khoản vay đã nhận	-	21.859.749.110
	Thanh lý khoản đầu tư	-	4.320.097.521.760
Công ty TNHH Zenith Investment	Góp vốn	99.990.000.000	-
	Khoản cho vay đã cấp	100.000.000	-
	Thu nhập lãi từ khoản cho vay đã cấp	3.294.522	-
	Thanh lý khoản đầu tư	35.045.376.163.305	-
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Khoản vay đã nhận	258.600.000.000	3.800.000.000.000
	Khoản vay đã hoàn trả	2.921.350.000.000	1.287.250.000.000
	Chi phí lãi vay từ khoản vay đã nhận	86.459.153.425	27.852.410.959
	Lãi trái phiếu đã trả	12.207.522.956	-
	Chia sẻ chi phí	2.069.039.582	-
	Thu nhập từ cổ tức	-	1.260.516.028.100
	Mua trái phiếu	-	3.756.912.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch	
		2022 VND	2021 VND
Các công ty con sở hữu gián tiếp			
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan	Hoàn trả vốn góp		- 3.450.000.000.000
	Khoản cho vay đã cấp	2.112.200.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	2.112.200.000.000	-
	Thu nhập lãi từ khoản cho vay đã cấp	26.761.906.849	-
	Khoản vay đã nhận	3.652.768.000.000	1.561.066.883.528
	Khoản vay đã hoàn trả	2.652.800.000.000	4.309.400.000.000
	Chi phí lãi vay từ khoản vay đã nhận	55.801.194.595	198.244.808.665
	Lãi trái phiếu đã trả	33.944.700.276	-
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan	Chi phí công nghệ thông tin	7.658.074.168	2.430.085.109
	Mua hàng hóa	161.267.455	84.243.994
Công ty TNHH Vonfram Masan	Khoản cho vay đã cấp	600.000.000.000	-
	Thu nhập lãi từ khoản cho vay đã cấp	8.203.958.904	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Khoản cho vay đã cấp	197.240.000.000	241.676.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	181.676.000.000	60.000.000.000
	Thu nhập lãi từ khoản cho vay đã cấp	11.187.603.064	9.850.057.098
	Khoản vay đã hoàn trả	-	1.143.479.452.055
	Chi phí lãi vay từ khoản vay đã nhận	-	4.270.122.128
	Chia sẻ chi phí	4.917.516.919	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	Khoản cho vay đã nhận	330.000.000.000	720.000.000.000
	Khoản cho vay đã hoàn trả	330.000.000.000	1.220.000.000.000
	Chi phí lãi vay từ khoản vay đã nhận	9.324.739.726	2.940.273.973
	Khoản vay đã cấp	-	700.000.000.000
	Khoản vay đã thu hồi	-	700.000.000.000
	Thu nhập lãi từ khoản cho vay đã cấp	-	1.121.917.808
	Lãi trái phiếu đã trả	224.876.838.265	-
	Mua hàng hóa	7.342.909.264	2.209.790.139
	Chia sẻ chi phí	17.549.767.099	-
Công ty TNHH MEATDeli HN	Mua hàng hóa	1.842.239.661	505.228.121

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch	
		2022 VND	2021 VND
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Mua hàng hóa	148.343.098	248.688.956
Công ty Cổ phần The CrownX	Bán lại cổ phiếu CrownX Chia sẻ chi phí	- 648.000.000	4.862.939.506.932 -
Công ty Cổ phần Mobicast	Khoản cho vay đã cấp Khoản cho vay đã thu hồi Thu nhập lãi từ khoản cho vay đã cấp Mua hàng hóa	290.000.000.000 130.000.000.000 5.990.917.805 150.141.178	130.000.000.000 - 27.780.822 -
Công ty Cổ phần Masan Blue	Khoản cho vay đã cấp Khoản cho vay đã thu hồi Thu nhập lãi từ khoản cho vay đã cấp	34.945.386.163.305 1.195.845.000.000 1.731.893.881.984	- - -
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Chia sẻ chi phí	5.255.525.798	-
Các bên liên quan khác			
Techcombank và các công ty con (*)	Trái phiếu phát hành (đại lý phát hành) (**) Phí phát hành trái phiếu Bán chứng khoán kinh doanh Mua chứng khoán kinh doanh	1.500.000.000.000 33.150.000.000 - 100.229.315.000	1.400.000.000.000 69.928.000.000 1.507.775.000.000 1.507.775.000.000
Thành viên quản lý chủ chốt	Thù lao cho thành viên quản lý chủ chốt (***)	28.660.341.139	25.262.988.981

(*) Tại ngày và các cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 2021, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và các giao dịch đại lý với Techcombank và các công ty con theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(**) Trái phiếu sau đó đã được bán cho các nhà đầu tư hơn.

(***) Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không hưởng thù lao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 2021.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt, thù lao, lương và tiền thưởng thực tế của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm là:

Tên	Vị trí	2022 VND	2021 VND
Hội đồng Quản trị			
Dr Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên	-	-
	Thành viên	-	-
	(đến ngày 27 tháng		
Ông Woncheol Park	4 năm 2022)	-	-
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên	-	-
Ông David Tan Wei Ming	Thành viên	-	-
	Thành viên	-	-
	(từ ngày 28 tháng 4		
Ông Ji Han Yoo	năm 2022)	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	-
Tổng Giám đốc			
Ông Danny Le			
Lương, thưởng và các phúc lợi khác		11.899.194.339	12.246.570.769



23. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Nghị quyết ngày 8 tháng 2 năm 2023 của Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt việc ký kết Thỏa thuận Tín dụng với các ngân hàng cho khoản vay hợp vốn trị giá 83 triệu USD, cùng với quyền chọn gia tăng khoản vay thêm 225 triệu USD.

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Đỗ Thị Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính

Danny Le
Tổng Giám đốc



